

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ DĨ AN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2024/LĐ-ST  
Ngày: 06-3-2024  
V/v tranh chấp về yêu cầu tuyên bố  
hợp đồng lao động vô hiệu

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Hà.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đoàn Nam Lê Thiện- Phó chủ tịch Liên đoàn Lao động thành phố Dĩ An;

2. Bà Nguyễn Thị Bửu Huệ - hưu trí.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Anh Ly, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** bà Nguyễn Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 160/2023/TLST-LĐ ngày 12 tháng 12 năm 2023 về việc “Tranh chấp về yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2024/QĐXXST-LĐ ngày 07 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Thạch Thị T, sinh năm 1985; địa chỉ thường trú: Ấp L, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh, địa chỉ liên hệ: Số E đường B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Công ty cổ phần Đ, địa chỉ: Số E xa lộ X, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Hữu M, sinh năm 1967; Thường trú: số G đường số A, Khu phố D, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Thạch Thị S, sinh năm 1991; địa chỉ: ấp L, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. Bảo hiểm xã hội thành phố D; địa chỉ: Trung tâm hành chính thành phố D, khu phố N, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Dương Văn T1, sinh năm 1988; địa chỉ: A, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương; là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 12/01/2024).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/11/2023, lời khai trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Thạch Thị T trình bày:*

Khoảng năm 2009 bà ký hợp đồng lao động và vào làm công nhân tại Công ty TNHH D, tại địa chỉ: số I khu công nghiệp B, khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Tháng 11/2009 thì Công ty TNHH D bắt đầu tham gia đóng Bảo hiểm xã hội bắt buộc cho bà. Đến năm 2012 thì bà tiếp tục làm công nhân cho Công ty TNHH D nhưng thay đổi nơi làm việc đến số D đường số B, KCN Đ, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Bà làm việc tại Công ty TNHH D và được công ty tham gia đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 11/2009 đến tháng 06/2018.

Cũng vào khoảng thời gian tháng 9/2009 thì em gái bà là Thạch Thị S, sinh năm 1991; mượn sơ yếu lý lịch và chứng minh nhân dân của bà (mang tên Thạch Thị T, sinh năm 1985) để ký hợp đồng lao động và vào làm công nhân tại Công ty cổ phần Đ (nay là công ty cổ phần Đ) địa chỉ: Số E xa lộ X, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Tháng 9/2009 Công ty cổ phần Đ tham gia đóng Bảo hiểm xã hội bắt buộc cho bà Thạch Thị T nhưng thực tế người làm việc tại Công ty cổ phần Đ lúc này là bà Thạch Thị S.

Do Công ty cổ phần Đ nơi bà Thạch Thị S làm việc với tên trên hợp đồng lao động là Thạch Thị T và Công ty TNHH D nơi bà Thạch Thị T làm việc đều tham gia đóng bảo hiểm bắt buộc cho bà T tại Bảo hiểm xã hội nên dẫn đến bà T có tới 02 số Bảo hiểm xã hội là mã số: 7409271753 và 7409297386. Do trùng thời gian tham gia BHXH từ tháng 9/2009 đến tháng 5/2011 nên bà T gặp khó khăn trong việc đề nghị Bảo hiểm xã hội giải quyết chế độ hưởng BHXH theo quy định của pháp luật.

Nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Thạch Thị T (do bà Thạch Thị S1) giao kết hợp đồng với công ty cổ phần Đ (nay là công ty cổ phần Đ), thời gian làm việc từ tháng 9/2009 đến tháng 5/2011 là vô hiệu. Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả pháp lý giao dịch dân sự của vô hiệu.

Bà xác định việc bà cho em gái là bà Thạch Thị S mượn giấy tờ tùy thân để ký hợp đồng lao động với Công ty cổ phần Đ là lỗi của bà. Do đó bà tự nguyện chịu toàn bộ án phí lao động sơ thẩm.

*- Lời khai trong quá trình tố tụng người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Nguyễn Hữu M trình bày:*

Theo dữ liệu trích ngang còn lưu trữ tại công ty thể hiện, Công ty cổ phần Đ (nay là công ty cổ phần Đ) có tiếp nhận và giao kết hợp đồng lao động với bà Thạch Thị T, sinh năm 1985; chứng minh nhân dân số:334194711, ngày cấp 24/7/2000, địa chỉ thường trú: xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh, vào tháng 7/2009 bà Thạch Thị T được công ty nhận vào làm việc, tháng 9/2009 Công ty ký hợp đồng lao động với bà T và tham gia đóng các chế độ bảo hiểm cho bà Thạch Thị T theo quy định của pháp luật. Tháng 5/2011 bà Thạch Thị T nghỉ việc tại công ty và công ty đã giải quyết các chế độ, chốt sổ bảo hiểm cho bà Thạch Thị T theo quy định của pháp luật.

Người lao động khi vào việc tại Công ty phải có hồ sơ xin việc, sơ yếu lý lịch đầy đủ và phải có xác nhận của chính quyền địa phương thì mới được nhận vào làm việc tại Công ty. Do người lao động tại công ty rất đông, Công ty căn cứ hồ sơ hợp lệ của người lao động để ký hợp đồng theo quy định. Ngoài ra, Công ty không thể xác định được chính xác người lao động có phải đúng nhân thân như hồ sơ hay không. Khi người lao động vào làm việc thì Công ty phải tham gia bảo hiểm xã hội cho người lao động theo quy định. Bà Thạch Thị T thừa nhận việc cho em gái là Thạch Thị S mượn hồ sơ của mình để xin việc và giao kết hợp đồng lao động với Công ty cổ phần Đ dưới tên là Thạch Thị T nên dẫn tới việc trùng với quá trình tham gia bảo hiểm xã hội của bà Thạch Thị T khi làm việc tại một công ty khác trong cùng một khoảng thời gian nên gặp khó khăn trong việc giải quyết chế độ bảo hiểm xã hội. Công ty Đ hoàn toàn không biết gì về việc người lao động mượn hồ sơ của người khác để giao kết hợp đồng lao động và tham gia bảo hiểm xã hội. Bà Thạch Thị T hoàn toàn nhận thức được việc cho bà Thạch Thị S mượn hồ sơ để đi xin việc và ký hợp đồng lao động với công ty Đ là trái pháp luật nên phải chấp nhận hậu quả pháp lý xảy ra. Trong trường hợp này công ty Đ không có lỗi.

Nay nguyên đơn yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Thạch Thị T (do bà Thạch Thị S1 mượn tên) và Công ty cổ phần Đ, thời gian làm việc từ tháng 9/2009 đến tháng 5/2011 là vô hiệu phía công ty không có ý kiến gì. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

*- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Thạch Thị S có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, tại bản tự khai ngày 22/12/2023 bà S trình bày:* bà là em gái của bà Thạch Thị T, vào tháng 9 năm 2009 thì bà có mượn sơ yếu lý lịch và chứng minh nhân dân mang tên chị gái là Thạch Thị T để đi làm việc tại Công ty cổ phần Đ, vì chưa đủ tuổi nên không thể ký hợp đồng lao động để đi làm, do đó vào khoảng thời gian từ tháng 9/2009 đến tháng 05/2011 bà mượn hồ sơ của bà Thạch Thị T để đi làm ký kết hợp đồng lao động với Công ty cổ phần Đ và tham gia đóng bảo hiểm xã hội. Sau khi bà nghỉ việc tại công ty Đ thì công ty đã chốt sổ bảo hiểm và giải quyết các chế độ cho bà nên bà không có yêu cầu gì, không yêu cầu giải quyết hậu quả của việc tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu.

Nay bà Thạch Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên hợp đồng lao động giữa bà Thạch Thị S (dưới tên là Thạch Thị T) và Công ty cổ phần Đ thời gian từ tháng 9/2009 đến tháng 05/2011 vô hiệu thì bà đồng ý. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà Thạch Thị T.

- Người đại diện hợp pháp của có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bảo hiểm xã hội thành phố D ông Dương Văn T1 có yêu cầu giải quyết vắng mặt, tại bản tự khai ngày 12/01/2024 ông T1 trình bày:

Qua kiểm tra đối chiếu dữ liệu tham gia BHXH, bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) của bà Thạch Thị T, sinh ngày 01/01/1985, số CMND 334194711 (CCCD: 084185012569), có quá trình tham gia BHXH, BHYT, BHTN như sau:

+ Mã số 7409271753: tham gia tại Công ty Cổ phần Đ từ tháng 09/2009 đến tháng 09/2009 và từ tháng 01/2010 đến tháng 5/2011, đã hưởng trợ cấp BHXH một lần.

+ Ngoài ra qua tra cứu dữ liệu bà Thạch Thị T còn có mã số BHXH 09297386 có quá trình tham gia BHXH từ tháng 11/2009 đến tháng 01/2013 và tháng 03/2013 đến tháng 06/2018 tại C và từ tháng 7/2018 đến tháng 03/2022 tại Công ty TNHH Y, địa chỉ Số D, đường số K, phường B, T, tỉnh Bình Dương.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Thạch Thị T không có ý kiến. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến: Từ khi thụ lý vụ án, chuẩn bị xét xử đến khi tiến hành phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự, đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định. Phát biểu quan điểm về nội dung vụ án: xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về việc vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn bà Thạch Thị T, người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Nguyễn Hữu M, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Thạch Thị S và ông Dương Văn T1 đều có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, căn cứ theo Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện Công ty cổ phần Đ, địa chỉ: Số E xa lộ X, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu. Vì vậy, tranh chấp trong vụ án được xác định là tranh chấp về yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An theo quy định tại khoản 5 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 50 Bộ luật Lao động năm 2019.

[3] Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời thừa nhận của các đương sự có căn cứ để xác định: Vào khoảng thời gian từ tháng 9 năm 2009 đến tháng 05/2011 bà Thạch Thị S đã mượn hồ sơ cá nhân của chị gái là Thạch Thị T để giao kết hợp đồng lao động vào làm việc và tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty cổ phần Đ dưới tên là Thạch Thị T. Do đó, bà Thạch Thị T sinh năm 1985; chứng minh nhân dân số:334194711 và số căn cước công dân: 084185012569 địa chỉ thường trú: xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh có quá trình tham gia bảo hiểm xã hội với hai mã số là: Mã số 7409271753: tham gia tại Công ty Cổ phần Đ (nay là công ty cổ phần Đ) từ tháng 09/2009 đến tháng 09/2009 và từ tháng 01/2010 đến tháng 5/2011 và mã số 09297386 có quá trình tham gia BHXH từ tháng 11/2009 đến tháng 01/2013 và tháng 03/2013 đến tháng 06/2018 tại Công ty TNHH D và từ tháng 7/2018 đến tháng 03/2022 tại Công ty TNHH Y, địa chỉ ô D, đường số K, phường B, T, tỉnh Bình Dương.

Hiện nay, bà T đang trực tiếp giữ sổ bảo hiểm xã hội mã số 09297386. Đối với mã số bảo hiểm xã hội 7409271753 chỉ tham gia bảo hiểm tại Công ty Cổ phần Đ (nay là công ty cổ phần Đ) trong khoảng thời gian từ tháng 09/2009 đến tháng 09/2009 và từ tháng 01/2010 đến tháng 5/2011, đối với khoảng thời gian tham gia BHXH tại công ty cổ phần Đ thì bà S xác định đã được hưởng trợ cấp BHXH một lần. Như vậy, có căn cứ để xác định được trong thời gian từ tháng 09/2009 đến tháng 09/2009 và từ tháng 01/2010 đến tháng 5/2011 người trực tiếp ký hợp đồng lao động và vào làm việc tại Công ty cổ phần Đ (nay là công ty cổ phần Đ) là bà Thạch Thị S, không phải bà Thạch Thị T. Việc bà S sử dụng chứng minh nhân dân, thông tin của bà T để giao kết hợp đồng lao động với công ty cổ phần Đ là hành vi lừa dối về mặt chủ thể khi xác lập giao dịch dân sự, vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau khi xác lập quan hệ lao động theo quy định tại Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994. Do đó việc Thạch Thị T yêu cầu tuyên hợp đồng lao động giữa bà Thạch Thị T (do bà Thạch Thị S) giao kết với công ty cổ phần Đ vô hiệu là có căn cứ theo quy định tại Điều 136, Điều 142 Bộ luật Dân sự năm 1995.

[4] Về hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu: Nguyên đơn bà Thạch Thị T chỉ yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, ngoài ra không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì trong vụ án. Đây là quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự theo quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự, do đó Tòa án không xem xét giải quyết về hậu quả của hợp đồng vô hiệu. Sau khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, người lao động có quyền liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để được giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định.

[5] Ý kiến của vị đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Án phí lao động sơ thẩm: Nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ án phí nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 5, 32, 35, 39, 147, 228, 229, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 136 và Điều 142 Bộ luật Dân sự năm 1995;

Căn cứ Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994; Điều 50 và Điều 190 Bộ luật Lao động năm 2019;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thạch Thị T với bị đơn Công ty cổ phần Đ về việc tranh chấp về yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu.

Tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Thạch Thị T và Công ty Cổ phần Đ (nay là công ty cổ phần Đ) thời gian làm việc từ tháng 09/2009 đến tháng 5/2011 vô hiệu.

2. Án phí lao động sơ thẩm: Bà Thạch Thị T chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí lao động sơ thẩm, khấu trừ toàn bộ vào tạm ứng án phí bà T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001333 ngày 025/12/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An.

3. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

#### **Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh BD;
- VKS thành phố Dĩ An;
- Thi hành án thành phố Dĩ An;
- Các đương sự;
- Lưu văn thư, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Hà**

